TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN** NGỌC H **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2022/HNGĐ-ST
Ngày 9 - 8 - 2022
"*Về việc ly hôn, nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC H, TỈNH CÀ MAU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Tính
Các vị Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hà Bảo Hiền
2. Ông Đào Văn Tươi

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Huỳnh Văn Lợi - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc H, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 09 tháng 8 năm 2022, Tòa án nhân dân huyện Ngọc H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 85/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2022. Về việc "Ly hôn, nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Cao Văn T, sinh năm 1991 (Có mặt)
Địa chỉ: ấp Kinh Năm, xã Viên An, huyện Ngọc H, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Hồng D, sinh năm 1994 (Vắng mặt)
Địa chỉ: ấp Kinh Năm, xã Viên An, huyện Ngọc H, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 14/4/2022 và các lời khai của nguyên đơn anh Cao Văn T trình bày:

Tôi và chị Nguyễn Hồng D kết hôn vào ngày 16/4/2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Viên An, huyện Ngọc H, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống với nhau vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, sống ly thân từ tháng 6 năm 2021, nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cự cải. Cảm thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung giữa vợ chồng không thể kéo dài và không thể hàn gắn được nên nay tôi yêu cầu được ly hôn chị Nguyễn Hồng D.

Về con chung có 02 người con tên: Cao Thị Khánh Linh, sinh ngày 20/12/2013 và Cao Khánh Ngọc, sinh ngày 15/10/2017, sau khi ly hôn tôi yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tôi tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ thu và nợ trả: Vợ chồng tôi tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với chị Nguyễn Hồng D, sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã thông báo cho chị D biết về nội dung yêu cầu tại đơn khởi kiện ngày 14/4/2022 nhưng chị D không có ý kiến gì. Tòa án triệu tập hợp lệ chị D để tham gia phiên hòa giải đến lần thứ hai nhưng chị D không đến và cũng không có văn bản gì gửi đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của anh T. Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng chị D vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt chị D theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Xét thấy bị đơn chị Nguyễn Hồng D có nơi cư trú trên địa bàn huyện Ngọc H, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ngọc H theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật: Xét đơn của anh Cao Văn T khởi kiện xin ly hôn với chị Nguyễn Hồng D và yêu cầu được nuôi con nên xác định quan hệ tranh chấp "Ly hôn, nuôi con" là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị D kết hôn ngày 16/4/2013 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Viên An, huyện Ngọc H, tỉnh Cà Mau nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Xét thấy, anh T và chị D không còn chung sống với nhau từ tháng 6 năm 2021 cho đến nay. Đối với chị D, Tòa án đã triệu tập xét xử đến lần thứ hai nhưng chị D vắng mặt không lý do, đồng thời chị D cũng không có văn bản về ý kiến của mình gửi đến Tòa án chứng tỏ chị D đồng ý với yêu cầu của anh T. Hội đồng xét xử xét thấy, anh T và chị D đã ly thân từ tháng 6 năm 2021 đến nay tuy thời gian không dài nhưng chị D không tạo điều kiện để hàn gắn tình cảm vợ chồng để được đoàn tụ, chứng tỏ mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng,

đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh T được ly hôn với chị D là phù hợp.

[3] Về con chung: Anh T trình bày vợ chồng chung sống có 02 con chung tên Cao Thị Khánh Linh, sinh ngày 20/12/2013 và Cao Khánh Ngọc, sinh ngày 15/10/2017, sau khi ly hôn tôi yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Theo lời trình bày và các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án thấy rằng điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng và đảm bảo cuộc sống cho các cháu Linh và cháu Ngọc thì anh T có đủ điều kiện. Xét thấy, cháu Linh và cháu Ngọc đã sống chung với anh T từ nhỏ, ổn định cuộc sống, tinh thần đồng thời phù hợp với đơn trình bày ngày 9/8/2022 các cháu đều có nguyện vọng muốn được ở với anh T. Do đó, Hội đồng xét xử tiếp tục giao con cho anh T nuôi dưỡng là phù hợp. Đối với chị D là mẹ của các cháu Linh và cháu Ngọc vẫn có quyền được thăm nom con mà không ai được phép ngăn cản.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Anh T trình vợ chồng không có tài sản chung, chị D không ý kiến gì nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản thì anh T và chị D có quyền khởi kiện thành vụ kiện chia tài sản sau ly hôn.

[5] Về nợ chung: Anh T trình vợ chồng không có nợ chung, chị D không ý kiến gì nên không xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 243, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 09, 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngy 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận cho anh Cao Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Hồng D.

- Về con chung: Giao cho anh Cao Văn T được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc các cháu Cao Thị Khánh Linh, sinh ngày 20/12/2013 và Cao Khánh Ngọc, sinh ngày 15/10/2017. Chị D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Hồng D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh T phải chịu án phí số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), anh T có dự nộp tạm ứng án phí số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0020022 ngày 13/4/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc H được chuyển thu.

Trong trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với chị D được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Ngọc H;
- THADS huyện Ngọc H;
- Các Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Huỳnh Minh Tính